Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3604.90.90

Mã HS	3604.90.90
Mô tả hàng hóa	Pháo hoa, pháo hiệu, pháo mưa, pháo hiệu sương mù và các sản phẩm pháo khác / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 00:07:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/36049090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5191
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5191
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5191
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ACFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ATIGA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục A)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục B)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục F)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AC!E5069
ATIGA	2022	2022	*	AT!E5030
ATIGA	2023	2023	*	AT!F5030
ATIGA	2024	2024	*	AT!G5030
ATIGA	2025	2025	*	AT!H5030
ATIGA	2026	2026	*	AT!I5030
ATIGA	2027	2027	*	AT!J5030
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E5074
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F5074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G5074
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H5074
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I5074
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J5074
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E5072
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F5072
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G5072
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H5072
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I5072
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J5072
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F5072
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H5036
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F5032
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G5032
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H5032
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I5032
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J5032
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K5032
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5041
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5041
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5041
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5041
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5041
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5041
VCFTA	2022	2022	*	VC!D5079
VCFTA	2023	2023	*	VC!E5079

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	*	VC!F5079
VCFTA	2025	2025	*	VC!G5079
VCFTA	2026	2026	*	VC!H5079
VCFTA	2027	2027	*	VC!I5079
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5076
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5076
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5076
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5076
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5076
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5076
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D5084
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E5084
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F5084
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G5084
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H5084
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I5084
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5055
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5055
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5055
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5055
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5055
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5055
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5057
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5057
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5057
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5057

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5057
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5057
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5055
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5055
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5055
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5055
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5055
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5055
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5055
RCEP A	2022	2022	*	RCEPT-A!D5076
RCEP A	2023	2023	*	RCEPT-A!E5076
RCEP A	2024	2024	*	RCEPT-A!F5076
RCEP A	2025	2025	*	RCEPT-A!G5076
RCEP A	2026	2026	*	RCEPT-A!H5076
RCEP A	2027	2027	*	RCEPT-A!I5076
RCEP B	2022	2022	*	B!D5076
RCEP B	2023	2023	*	B!E5076
RCEP B	2024	2024	*	B!F5076
RCEP B	2025	2025	*	B!G5076
RCEP B	2026	2026	*	B!H5076
RCEP B	2027	2027	*	B!I5076
RCEP C	2022	2022	*	C!D5076
RCEP C	2023	2023	*	C!E5076
RCEP C	2024	2024	*	C!F5076
RCEP C	2025	2025	*	C!G5076
RCEP C	2026	2026	*	C!H5076

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	*	C!I5076
RCEP D	2022	2022	*	D!D5076
RCEP D	2023	2023	*	D!E5076
RCEP D	2024	2024	*	D!F5076
RCEP D	2025	2025	*	D!G5076
RCEP D	2026	2026	*	D!H5076
RCEP D	2027	2027	*	D!I5076
RCEP E	2022	2022	*	E!D5079
RCEP E	2023	2023	*	E!E5079
RCEP E	2024	2024	*	E!F5079
RCEP E	2025	2025	*	E!G5079
RCEP E	2026	2026	*	E!H5079
RCEP E	2027	2027	*	E!I5079
RCEP F	2022	2022	*	F!D5076
RCEP F	2023	2023	*	F!E5076
RCEP F	2024	2024	*	F!F5076
RCEP F	2025	2025	*	F!G5076
RCEP F	2026	2026	*	F!H5076
RCEP F	2027	2027	*	F!I5076
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4676
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4676
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4676
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4676

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3604.90 có 4 dòng thuế; dòng 3604.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3604.90.20 Pháo hoa nhỏ và kíp nổ dùng làm đồ chơi; 3604.90.40 Pháo hiệu (SEN); 3604.90.50 Pháo thăng thiên (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3604.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3604.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5191), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.